

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 861 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 3.434 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: 1.673 xã khu vực I, 210 xã khu vực II và 1.551 xã khu vực III (danh sách kèm theo).

Điều 2. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh, bổ sung danh sách các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do hoàn thành xây dựng nông thôn mới, chia tách, sáp nhập địa giới, thành lập mới hoặc hiệu chỉnh tên gọi của đơn vị hành chính theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017, Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu VT, QHĐP (2b) S.Tùng. 444



Trương Hòa Bình



**DANH SÁCH XÃ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH GIA LAI
PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên huyện, xã	Thuộc khu vực	Ghi chú
	Tổng cộng	176	
	Xã khu vực I	104	
	Xã khu vực II	29	
	Xã khu vực III	43	
I	THÀNH PHỐ PLEIKU		
1	Phường Chi Lăng	I	
2	Xã Biển Hồ	I	
3	Xã Tân Sơn	I	
4	Xã Chư Á	I	
5	Xã Ia Kênh	I	
6	Xã Gào	I	
II	THỊ XÃ AN KHÊ		
1	Xã Tú An	I	
III	THỊ XÃ AYUN PA		
1	Phường Cheo Reo	I	
2	Phường Đoàn Kết	I	
3	Phường Sông Bờ	I	
4	Xã Chư Băh	I	
5	Xã Ia Rbol	I	
6	Xã Ia Sao	I	
7	Xã Ia Rô	I	
IV	HUYỆN CHƯ PĂH		
1	Xã Ia Krenh	III	
2	Xã Chư Đang Ya	III	
3	Xã Đăk Tơ Ver	III	
4	Xã Hà Tây	III	
5	Xã Ia Khuol	II	
6	Xã Ia Phí	II	
7	Thị trấn Ia Ly	I	
8	Xã Ia Mơ Nông	I	
9	Xã Ia Nhin	I	

TT	Tên huyện, xã	Thuộc khu vực	Ghi chú
10	Xã Ia Ka	I	
11	Xã Hòa Phú	I	
12	Xã Nghĩa Hưng	I	
V	HUYỆN CHƯ PƯH		
1	Xã Chư Don	III	
2	Xã Ia Hla	II	
3	Thị trấn Nhơn Hòa	I	
4	Xã Ia Lơ	I	
5	Xã Ia Phang	I	
6	Xã Ia Hrú	I	
7	Xã Ia Rong	I	
8	Xã Ia Dreng	I	
VI	HUYỆN CHƯ PRÔNG		
1	Xã Ia Vê	II	
2	Xã Ia Púch	II	
3	Xã Ia Kly	II	
4	Xã Ia Phin	I	
5	Xã Thăng Hưng	I	
6	Xã Bình Giáo	I	
7	Xã Ia Boong	I	
8	Xã Ia Drang	I	
9	Xã Ia O	I	
10	Xã Ia Me	I	
11	Xã Ia Tôt	I	
12	Xã Ia Pía	I	
13	Xã Ia Ga	I	
14	Xã Ia Mờ	I	
15	Xã Ia Lâu	I	
16	Xã Ia Pior	I	
17	Xã Ia Bàng	I	
18	Xã Ia Bang	I	
VII	HUYỆN CHƯ SẾ		
1	Xã Hbông	III	
2	Xã Ayun	III	

TT	Tên huyện, xã	Thuộc khu vực	Ghi chú
3	Xã Ia Ko	II	
4	Xã Kông Htok	II	
5	Xã Al Bá	I	
6	Xã Bò Ngoong	I	
7	Xã Bar Maih	I	
8	Xã Chư Pong	I	
9	Xã Dun	I	
10	Xã Ia Blang	I	
11	Xã Ia Glai	I	
12	Xã Ia H'lốp	I	
13	Xã Ia Pal	I	
14	Xã Ia Tiêm	I	
VIII	HUYỆN ĐAK ĐOÀ		
1	Xã Hà Đông	III	
2	Xã Đak Somei	III	
3	Xã A Đok	III	
4	Xã Trang	II	
5	Xã Kon Gang	II	
6	Xã Ia Pét	II	
7	Thị trấn Đak Đoa	I	
8	Xã K'Dang	I	
9	Xã Hneng	I	
10	Xã Hải Yang	I	
11	Xã Glar	I	
12	Xã Đak Krong	I	
13	Xã Ia Băng	I	
14	Xã Hnol	I	
15	Xã Hà Bàu	I	
IX	HUYỆN ĐAK PƠ		
1	Xã Ya Hội	III	
2	Xã An Thành	II	
3	Xã Yang Bắc	II	
4	Thị trấn Đak Pơ	I	
X	HUYỆN ĐỨC CƠ		

TT	Tên huyện, xã	Thuộc khu vực	Ghi chú
1	Xã Ia Lang	III	
2	Xã Ia Kla	II	
3	Xã Ia Dơk	II	
4	Xã Ia Pnôn	II	
5	Xã Ia Kriêng	II	
6	Xã Ia Dom	I	
7	Xã Ia Krêl	I	
8	Xã Ia Dìn	I	
9	Xã Ia Nan	I	
XI	HUYỆN IA PA		
1	Xã Ia Broãi	III	
2	Xã Pờ Tô	III	
3	Xã Chư Răng	III	
4	Xã Ia Kdăm	III	
5	Xã Ia Trok	II	
6	Xã Kim Tân	II	
7	Xã Ia Mron	I	
8	Xã Ia Tul	I	
9	Xã Chư Mố	I	
XII	HUYỆN IA GRAI		
1	Xã Ia Sao	I	
2	Xã Ia Hrug	I	
3	Xã Ia Bă	I	
4	Xã Ia Khai	I	
5	Xã Ia Krăi	I	
6	Xã Ia Grăng	I	
7	Xã Ia Tô	I	
8	Xã Ia O	I	
9	Xã Ia Dêr	I	
10	Xã Ia Chia	I	
11	Xã Ia Pêch	I	
XIII	HUYỆN KBANG		
1	Xã Đăk Rong	III	
2	Xã Krong	II	

TT	Tên huyện, xã	Thuộc khu vực	Ghi chú
3	Xã Đăk Smar	II	
4	Xã Lơ Ku	II	
5	Xã Kông Lơng Khơng	II	
6	Xã Kông Bờ La	II	
7	Xã Kon Pnê	I	
8	Xã Sơm Lang	I	
9	Xã Sơ Păi	I	
10	Xã Đông	I	
11	Xã Nghĩa An	I	
12	Xã Tơ Tung	I	
XIV	HUYỆN KÔNG CHRO		
1	Xã Đăk Kơ Ning	III	
2	Xã Sró	III	
3	Xã Đăk Pơ Pho	III	
4	Xã Chư Krey	III	
5	Xã Chơ Glong	III	
6	Xã Đăk Pling	III	
7	Xã Ya Ma	III	
8	Xã Yang Nam	III	
9	Xã Đăk Song	III	
10	Xã Đăk Tơ Pang	III	
11	Thị trấn Kông Chro	I	
12	Xã Yang Trung	I	
13	Xã An Trung	I	
14	Xã Kông Yang	I	
XV	HUYỆN KRÔNG PA		
1	Xã Chư Răm	III	
2	Xã Ia Rsaí	III	
3	Xã Ia Rsum	III	
4	Xã Chư Drăng	III	
5	Xã Ia Rmók	III	
6	Xã Ia Dreh	III	
7	Xã Krông Năng	III	
8	Xã Chư Ngọc	III	

TT	Tên huyện, xã	Thuộc khu vực	Ghi chú
9	Xã Đất Bằng	III	
10	Xã Uar	II	
11	Xã Chư Gu	II	
12	Thị trấn Phú Túc	I	
13	Xã Ia Mlah	I	
14	Xã Phú Cần	I	
XVI	HUYỆN MANG YANG		
1	Xã Lơ Pang	III	
2	Xã Đak Jơ Ta	III	
3	Xã Đê Ar	III	
4	Xã Đăk Trôi	III	
5	Xã Kon Chiêng	III	
6	Xã H'ra	II	
7	Xã Kon Thup	II	
8	Thị trấn Kon Dong	I	
9	Xã Đak Ta Ley	I	
10	Xã Ayun	I	
11	Xã Đak Yă	I	
12	Xã Đak Djrăng	I	
XVII	HUYỆN PHÚ THIỆN		
1	Xã Chư A Thai	III	
2	Xã Ia Yeng	III	
3	Xã Chrôh Ponan	II	
4	Thị trấn Phú Thiện	I	
5	Xã Ayun Hạ	I	
6	Xã Ia Hiao	I	
7	Xã Ia Peng	I	
8	Xã Ia Sol	I	
9	Xã Ia Piar	I	
10	Xã Ia Ake	I	